

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 28-8-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Ngô Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1982; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp HP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Nơi ở hiện nay: Ấp CS, xã TAH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp HP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2019 và biên bản ghi lời khai - nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH.

Sau khi kết hôn, chị về làm dâu bên chồng tại ấp HP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Sau đó khoảng 05 tháng sau, vợ chồng cất nhà ra riêng trên đất của cha mẹ chồng cho. Trong thời gian chung sống, chị làm nghề buôn bán, còn anh P không có nghề nghiệp. Do vậy, anh P thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện đuổi chị ra khỏi nhà. Thời gian kéo dài nhưng anh P vẫn không thay đổi, chị chịu đựng không nổi mới bỏ nhà về bên cha mẹ ruột của chị sống. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 19/12/2001, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: 01 phần đất tọa lạc tại ấp HP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Trên phần đất có xây 01 căn nhà tường 01 mái hiện do anh P đang sử dụng.

Nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung: Theo nguyện vọng của con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị T chung sống vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung; tài sản chung và nợ chung như chị T trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị T đi làm công nhân gây ra nợ nần rồi bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Theo nguyện vọng của con, trường hợp con chung theo anh P thì chị không đồng ý cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P.

Về con chung: Giao anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận anh P không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, không có tổ chức lễ cưới nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 19/12/2001, hiện đang sống với anh P. Qua hỏi ý kiến cháu L, cháu có nguyện vọng theo sống với anh P. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu L cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T đối với anh Nguyễn Văn P.

Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 19-12-2001 cho anh P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung do anh P không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017116 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với anh P vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã AH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm